

PATH TO THE FUTURE

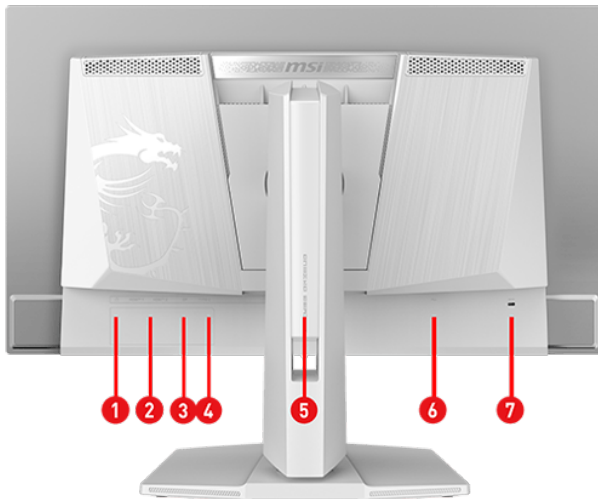
The MAG 272QPW QD-OLED X28 gaming monitor with 27 inch of QD-OLED, 2K WQHD display, a lightning-fast 280Hz refresh rate, and a rapid 0.03ms response time. With the MAG 272QPW QD-OLED X28, you will have the competitive advantage needed to outperform and defeat your opponents in gaming battles.



Picture and logos

SELLING POINTS

- Tấm nền QD-OLED thế hệ thứ 3 - Với chất lượng hình ảnh tuyệt đẹp và thời gian phản hồi nhanh.
- Thời gian phản hồi 0,03ms GtG nhanh nhất và tần số quét hình 280Hz.
- Công nghệ QD Premium Color - Đảm bảo màu sắc đạt tiêu chuẩn thị trường - Delta E≤2.
- Hình ảnh chất lượng HDR tuyệt vời - VESA DisplayHDR True Black 400.
- Chuyển động trong trẻo như pha lê - được chứng nhận VESA ClearMR 15000.
- Công nghệ MSI OLED Care 2.0 - Giảm thiểu nguy cơ màn hình OLED bị burn-in.
- Chế độ Console - Được tối ưu hóa để tương thích liền mạch với các máy chơi game như PS5 và Xbox Series X|S
- Bảo hành 3 năm kể cả cho hiện tượng burn-in - Bao gồm bảo hành cho hiện tượng burn-in trên màn hình OLED.



1. Headphone-out
2. 2x HDMI™ 2.1 (WQHD@280Hz)
3. DisplayPort 1.4a (HBR3)
4. USB Type-C (15W PD)
5. 5-Way Navigator
6. AC-in
7. Kensington Lock



M À N H Ì N H

MAG 272QPW QD-OLED X28

M A G 2 7 2 Q P W Q D - O L E D X 2 8

SPECIFICATION

Model	SKU Number	9S6-3CD79A-040
	Entity MKT Name	MAG 272QPW QD-OLED X28
	Part No	9S6-3CD79A-040
	Color	ID1/White-White
Display	Screen Size	26.5" (67.31 cm)
	Active Display Area (mm)	590.42(H) x 333.72(V)
	Curvature	Flat
	Panel Type	QD-OLED
	Resolution	2560x1440 (WQHD)
	Pixel pitch (mm)	0.2292(H)x0.2292(V)
	Aspect Ratio	16:9
	Dynamic Refresh Rate technology	NVIDIA G-SYNC Compatible / AMD FreeSync™ Premium Pro
	Dynamic Refresh Rate Activated Range	48~280Hz
	HDR (High dynamic range)	VESA DisplayHDR True Black 400
	SDR Brightness (nits)	250
	HDR Brightness (Peak nits)	1000
	Contrast Ratio	1500000:1
	Signal Frequency	30~450.8 KHz(H) / 48~280 Hz(V)
	Refresh Rate	280Hz
	Response Time (GTG)	0.03ms
	View Angles	178°(H)/178°(V)
	NTSC (CIE1976 area percentage/overlap)	121%/95%
	NTSC (CIE1931 area percentage/overlap)	105%/92%
	sRGB (CIE1976 area percentage/overlap)	138%/100%
	sRGB (CIE1931 area percentage/overlap)	148%/100%
	Adobe RGB (CIE1976 area percentage/overlap)	119%/98%
	Adobe RGB (CIE1931 area percentage/overlap)	109%/95%
	DCI-P3 (CIE1976 area percentage/overlap)	110%/99%
	DCI-P3 (CIE1931 area percentage/overlap)	109%/99%
	Rec.709 (CIE1976 area percentage/overlap)	138%/100%
	Rec.709 (CIE1931 area percentage/overlap)	148%/100%
	Rec.2020 (CIE1976 area percentage/overlap)	80%/80%
	Rec.2020 (CIE1931 area percentage/overlap)	78%/78%
	Surface Treatment	Anti-Reflection
	Display Colors	1.07B
	Color bit	10 bits
I/O Ports	USB Type C (DisplayPort Alternate)	1
	Headphone-out	1
	Lock type	Kensington Lock
	HDMI	2
	HDMI version	2.1
	HDMI HDCP version	2.3
	DisplayPort	1
	DisplayPort version	1.4a
	DisplayPort HDCP version	2.3
Warranty	Warranty	36M
Power	Power Type	Internal Power Board
	Power Input	100~240V, 50/60Hz
	On-mode Power Consumption (KWh/1000h)	TBD
	Annual Energy Consumption (KWh)	TBD
	Standby-mode Power Consumption (W)	0.5
	Off-mode Power Consumption (W)	0.3
	Energy Efficiency Rating	F
	Power Cord Type	C13



MÀN HÌNH

MAG 272QPW QD-OLED X28

MAG 272QPW QD-OLED X28

In The Box	DisplayPort Cable	1
	HDMI Cable	0
	DVI Cable	0
	USB Type A to Type B Cable	0
	USB Type C to Type A Cable	0
	USB Type C to Type C Cable	0
	Thunderbolt Cable	0
	VGA Cable	0
	3.5mm audio Cable	0
	3.5mm combo audio Cable	0
	3.5mm Mic Cable	0
	Power Cord	1
	AC Adaptor	0
	Quick Guide	1
	Warranty Card	0
	Mouse Bungee Unit	0
Design	Adjustment (Tilt)	-5° ~ 20°
	Adjustment (Swivel)	-30° ~ 30°
	Adjustment (Height)	0 ~ 110 mm
	Adjustment (Pivot)	-90° ~ 90°
	VESA Mounting	100x100mm
Dimension & Weight (product)	Product Dimension with Stand (WxDxH) (mm)	611.1 x 241.9 x 532.84
	Product Dimension without Stand (WxDxH) (mm)	611.1 x 69.3 x 357.2
	Stand Dimension (WxDxH) (mm)	308.67 x 241.9 x 432.1
	Weight (Net kg)	6.8
	Weight Without Stand (kg)	4.1
Dimension & Weight (box)	Inside Carton Dimension (WxDxH) (cm)	82 x 16.9 x 51.3
	Outer Carton Dimension (WxDxH) (cm)	83.3 x 18.2 x 53.5
	Weight (Gross kg)	10.49
Barcode Info	EAN	4711377319751